

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 27 - 5 - 2021

“V/v Tranh chấp về chia tài sản
chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** - là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 18, xã HX, huyện TT, tỉnh PT.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 18, xã HX, huyện TT, tỉnh PT.

- Người có Quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh PT.

Địa chỉ: Số 1482, đường Hùng Vương, phường GC, TP VT, tỉnh PT. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc Trường, chức vụ: Nhân viên phòng Kiểm Soát rủi ro. (Vắng mặt)

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TT, tỉnh PT.

Địa chỉ: Thị trấn TT, huyện TT, tỉnh PT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn TT – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch HX. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:**

Chị và anh Đ trước đây là vợ chồng, đến tháng 7/2020 đã được Tòa án huyện TT, tỉnh PT giải quyết ly hôn. Tại thời điểm giải quyết ly hôn hai bên tách phần tài sản để

giải quyết sau. Nay chị và anh Đ thỏa thuận bằng văn bản, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

1. Về tài sản chung: Giao cho anh Đ trực tiếp sử dụng thửa đất và sở hữu, sử dụng ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất:

+ Thửa đất số 237, Tờ bản đồ số 32, diện tích 175m² đất ở tại khu 18 xã HX theo giấy chứng nhận QSD đất số BY 942177 do UBND huyện TT, tỉnh PT cấp ngày 18/5/2015 mang tên Nguyễn Văn Đ và Trần Thị P. Địa chỉ khu 18 xã HX, huyện TT.

+ 01 Nhà ở cấp IV, liên bếp cùng công trình vệ sinh xây gạch xi măng đá, mái lợp Fibroxi măng diện tích 155m² xây dựng tại thửa đất trên.

+ 01 mái Tôn khung thép lợp che sân trước nhà diện tích 20m².

Ngoài ra hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản nào khác.

2. Về nợ chung: Giao cho anh Đ trực tiếp trả các khoản nợ:

+ Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh TT; Phòng giao dịch HX 200.000.000đ(hai trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 2717 LVA. 2002 000934 ngày 14/4/2020.

+ Trả nợ cho Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh PT(Sacombank PT) tính đến tháng 9/2020 tiền gốc là 50.563.000đ và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số LD 1914900150 ngày 29/5/2019.

3. Về thanh toán chênh lệch về tài sản: Anh Đ có nghĩa vụ thanh toán cho chị P số tiền 200.000.000đ(hai trăm triệu đồng), anh Đ đã thanh toán đủ và chị P đã nhận đủ số tiền trên.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Anh và chị Trần Thị P trước đây là vợ chồng, đến tháng 7/2020 đã được Tòa án huyện TT giải quyết cho ly hôn.

Anh xác định có các tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân như chị P đã trình bày nêu trên là đúng.

Nay hai bên thỏa thuận như chị P trình bày trên, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh và chị P.

*** Quan điểm của Ngân hàng TMCP S, chi nhánh PT.**

Do ông Nguyễn Ngọc Trường là người đại diện theo ủy quyền thể hiện trong bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt như sau: Ngày 29/5/2019 anh Đ và chị P có vay Ngân hàng số tiền 70.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số LD 1914900150, trả nợ theo kỳ hạn, thời hạn vay là 36 tháng. Tính đến ngày 27/5/2021 anh Đ và chị P còn dư nợ của Ngân hàng số tiền gốc là 23.344.000đ, số tiền lãi là 583.300đ. Yêu cầu anh Đ và chị P phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi theo hợp đồng trước khi Tòa án xét xử vụ án để phân chia tài sản do anh Đ và chị P đã vi phạm hợp đồng, chậm trả tiền gốc và lãi.

*** Quan điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TT, tỉnh PT.**

Do bà Nguyễn TT là người đại diện theo ủy quyền thể hiện trong bản tự khai như sau: Anh Đ và chị P ký Hợp đồng tín dụng số 2717 LVA. 2002 000934 ngày 14/4/2020 vay Ngân hàng số tiền là 200.000.000đ. Thế chấp cho Ngân hàng Thửa đất số 237, Tờ bản đồ số 32, diện tích 175m² đất ở tại khu 18 xã HX theo giấy chứng nhận QSD đất số BY 942177 do UBND huyện TT, tỉnh PT cấp ngày 18/5/2015 mang tên Nguyễn Văn Đ

và Trần Thị P. Đề nghị anh Đ và chị P thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp, bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó HĐXX căn cứ Khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

[1] Chị P và anh Đ trước đây là vợ chồng, đến ngày 14/7/2020 đã được Tòa án huyện TT, tỉnh PT giải quyết ly hôn. Tại thời điểm giải quyết ly hôn hai bên tách phần tài sản, nợ chung để giải quyết sau.

Nay chị P và anh Đ thỏa thuận bằng văn bản đề ngày 04/02/2021, đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận như sau:

* Về tài sản chung: Giao cho anh Đ trực tiếp sử dụng thửa đất và sở hữu, sử dụng ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất:

+ Thửa đất số 237, Tờ bản đồ số 32, diện tích 175m² đất ở tại khu 18 xã HX theo giấy chứng nhận QSD đất số BY 942177 do UBND huyện TT, tỉnh PT cấp ngày 18/5/2015 mang tên Nguyễn Văn Đ và Trần Thị P. Địa chỉ khu 18 xã HX, huyện TT.

+ 01 Nhà ở cấp IV, liên bếp cùng công trình vệ sinh xây gạch xi măng đá, mái lợp Fibroxi măng diện tích 155m² xây dựng tại thửa đất trên.

+ 01 mái Tôn khung thép lợp che sân trước nhà diện tích 20m².

Ngoài ra hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản nào khác.

* Về nợ chung: Giao cho anh Đ trực tiếp trả các khoản nợ:

+ Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh TT; Phòng giao dịch HX 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 2717 LVA. 2002 000934 ngày 14/4/2020.

+ Trả nợ cho Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh PT, tính đến tháng 9/2020 tiền gốc là 50.563.000đ và lãi suất theo HĐ tín dụng số LD 1914900150 ngày 29/5/2019.

* Về thanh toán chênh lệch về tài sản: Anh Đ có nghĩa vụ thanh toán cho chị P số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), anh Đ đã thanh toán đủ và chị P đã nhận đủ số tiền trên.

[2] HĐXX thấy rằng: Mặc dù anh Đ và chị P đã thỏa thuận được toàn bộ việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nhưng do Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh PT đề nghị anh, chị phải trả toàn bộ khoản vay nên Tòa án không ra “Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự” được.

Đối với khoản vay của Ngân hàng Ngân hàng TMCP S lúc hai bên thỏa thuận trả nợ thì số dư nợ của Ngân hàng là 50.563.000đ và lãi suất theo số nợ gốc, tuy nhiên trong quá trình giải quyết, anh Đ chị P đã trả và Ngân hàng cung cấp tính đến ngày xét

xử 27/5/2021 chỉ còn nợ số tiền gốc là 23.344.000đ, số tiền lãi là 583.300đ vì vậy HĐXX xác nhận số nợ hiện tại như trên.

Đối với khoản vay của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh TT, anh Đ và chị P nợ số tiền gốc là 200.000.000đ, lãi đã trả hết ngày 27/5/2021. Quan điểm của Ngân hàng là anh Đ chị P thực hiện trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết.

Như vậy anh Đ và chị P thỏa thuận phân chia tài sản và công nợ trên là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức, không trái pháp luật. Việc phân chia giao cho anh Đ được sở hữu tài sản, sử dụng đất và có nghĩa vụ trả nợ cho các Ngân hàng, việc phân chia này đã đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Vì vậy HĐXX xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Đ và chị P là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo Bản án.

[4] Về án phí DSST: Do chị P và anh Đ thỏa thuận phân chia tài sản và công nợ trước khi Tòa án thực hiện việc hòa giải nên không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho chị P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147, Điều 271, Khoản 1, Điều 273; Khoản 1, Điều 228, Điều 238 BLTTDS;

* Áp dụng Điều 33, Khoản 1, Điều 37, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

* Căn cứ Điểm d, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn Đ như sau:

* **Về tài sản chung:** Giao cho anh Đ trực tiếp sử dụng thửa đất và sở hữu, sử dụng ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất:

+ Thửa đất số 237, Tờ bản đồ số 32, diện tích 175m² đất ở tại khu 18 xã HX theo giấy chứng nhận QSD đất số BY 942177 do UBND huyện TT, tỉnh PT cấp ngày 18/5/2015 mang tên Nguyễn Văn Đ và Trần Thị P. Địa chỉ khu 18 xã HX, huyện TT.

+ 01 Nhà ở cấp IV, liền bếp cùng công trình vệ sinh xây gạch xi măng đá, mái lợp Fibroxi măng diện tích 155m² xây dựng tại thửa đất trên.

+ 01 mái Tôn khung thép lợp che sân trước nhà diện tích 20m².

Ngoài ra hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản nào khác.

* **Về nợ chung:** Giao cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trả các khoản nợ:

+ Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh TT; Phòng giao dịch HX số tiền 200.000.000đ(hai trăm triệu đồng) tiền gốc và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 2717 LVA. 2002 000934 ngày 14/4/2020.

+ Trả nợ cho Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh PT tính đến ngày 27/5/2021 tiền gốc là 23.344.000đ(hai mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), số tiền lãi là 583.300đ(năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm đồng) theo Hợp đồng tín dụng số LD 1914900150 ngày 29/5/2019.

* **Về thanh toán chênh lệch về tài sản:** Anh Đ có nghĩa vụ thanh toán cho chị P số tiền 200.000.000Đồng(hai trăm triệu đồng), anh Đ đã thanh toán đủ và chị P đã nhận đủ số tiền trên.

Tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc chưa trả theo Hợp đồng tín dụng số: 2717 LVA. 2002 000934 ngày 14/4/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh TT và Hợp đồng tín dụng số LD 1914900150 ngày 29/5/2019 của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh PT trên; kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do chị P và anh Đ thỏa thuận tự phân chia tài sản trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên không phía chịu tiền án phí.

Trả lại cho chị Trần Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000655, ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh PT.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh PT xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú